

Phụ lục số 02

ƯỚC CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG LONG TUYỀN 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

*(Kèm theo Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân phường Long Tuyền)*

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026			Ước 6 tháng năm 2026	So sánh TH/DT (%)
		Tổng cộng	HNND giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh, bổ sung		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1 = 2 + 3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 4/1 x 100</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	187.210	158.778	28.432	74.450	39,77
A	Dự toán chi ngân sách	153.067	153.067	-	58.393	38,15
I	Chi đầu tư phát triển	26.811	26.811		1.391	5,19
1	Dự toán thực giao trong năm	26.811	26.811		1.391	5,19
	- Vốn cân đối ngân sách địa phương	6.440	6.440		1.391	21,60
	- Xổ số kiến thiết	15.009	15.009			
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	5.362	5.362			
2	Kế hoạch vốn mang sang					
II	Chi thường xuyên	123.255	123.255	-	57.003	46,25
1	Sự nghiệp kinh tế	3.000	3.000		2.707	90,23
	- Kiến thiết thị chính	3.000	3.000		2.707	90,23
2	Sự nghiệp môi trường	2.000	2.000		1.013	50,65
3	Sự nghiệp giáo dục	67.435	67.435		26.804	39,75
4	Sự nghiệp đào tạo	900	900			-
5	Chi y tế, dân số và gia đình	0				
6	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	200	200			
7	Sự nghiệp văn hóa thông tin	1.439	1.439		35	2,44
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	533	533		139	26,02
9	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	533	533			-
10	Chi đảm bảo xã hội	13.168	13.168		11.486	87,22
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước	25.878	25.878		11.591	44,79
12	Chi an ninh quốc phòng	5.730	5.730		3.228	56,34
	- An ninh	3.664	3.664		1.178	32,15
	- Quốc phòng	2.066	2.066		2.050	99,23
13	Chi thường xuyên khác	2.439	2.439			
III	Dự phòng ngân sách	3.001	3.001			
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên					
B	Dự toán chi ngân sách năm 2025 mang sang năm 2026	14.466		14.466	14.466	100,00
I	Chi đầu tư phát triển	0				
II	Chi thường xuyên	0				
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	0				
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	19.677	5.711	13.966	1.590	8,08
I	Chi đầu tư	0				
II	Chi sự nghiệp	19.677	5.711	13.966	1.590	8,08
1	Vốn ngoài nước	0				
2	Vốn trong nước	19.677	5.711	13.966	1.590	8,08
2.1	Chi đầu tư			-		
2.1	Chi thường xuyên	19.677	5.711	13.966	1.590	8,08
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	94	94			
	- Chi sự nghiệp giáo dục	94	94			
	- Chi đào tạo	-				
	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-				
	Chi quốc phòng	2.000		2.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026			Ước 6 tháng năm 2026	So sánh TH/DT (%)
		Tổng cộng	HĐND giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh, bổ sung		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1 = 2 + 3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 4/1 x 100</i>
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	300	300			
	Chi y tế, dân số và gia đình	2.826		2.826	1.590	56,26
	Chi văn hóa thông tin	-				
	Chi phát thanh	-				
	Chi thể dục thể thao	-				
	Chi bảo vệ môi trường	-				
	Chi các hoạt động kinh tế	-				
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.845		1.845		
	Chi bảo đảm xã hội	12.612	5.317	7.295		
	Chi thường xuyên khác	-				